

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 72/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14/02/2025

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lil;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thùy Trang;

2. Ông Phạm Thanh Danh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Xuyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Thiện – Kiểm sát viên;

Trong ngày 14 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 463/2024/TLST-HNGĐ ngày 14/10/2024 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HN ngày 14/01/2025:

1. *Nguyên đơn:* **Đoàn Thị K**, sinh năm 1970; (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp LPC, xã LHL, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* **Trương Văn N**, sinh năm 1969; (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp PLC, xã PK, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Đoàn Thị K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trương Văn N sống chung với nhau vào năm 1993 và không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc cho đến cuối năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay, vợ chồng không còn hạnh phúc, sống lạnh nhạt kéo dài nhiều năm không thể hàn gắn lại được. Nay chị cũng không còn tình cảm với anh N nên chị yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Trương Thanh T, sinh ngày 19/11/1994. Hiện cháu T đã trưởng thành, chị không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có;

* Tại bản tự khai bị đơn anh Trương Văn N trình bày:

Anh và chị Đoàn Thị K có cưới nhau vào năm 1993, có đăng ký kết hôn, nhưng giấy kết hôn bị mất, vợ chồng sống không hạnh phúc nên đã ly thân nhau từ năm 2010 đến nay. Chị K yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Trương Thanh T, sinh ngày 19/11/1994. Hiện cháu T đã trưởng thành, anh không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có;

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân thủ pháp luật về thẩm quyền giải quyết, về quan hệ tranh chấp, về thu thập chứng cứ đúng theo qui định pháp luật tố tụng; Về thời hạn chuẩn bị xét xử, gửi hồ sơ; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đúng quy định.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các bên đương sự đã thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của họ theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Không có yêu cầu.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử xét thấy.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Đoàn Thị K và anh Trương Văn N sống chung với nhau như vợ chồng, phía chị K khai không có đăng ký kết hôn, anh N khai có đăng ký kết hôn nhưng bị mất giấy kết hôn. Toà án tiến hành thu thập chứng cứ tại nơi cư trú của anh chị nhưng không có tài liệu nào chứng minh anh chị có đăng ký kết hôn. Nay chị K yêu cầu ly hôn được xem xét giải quyết theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về tố tụng: Chị K và anh N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh N khai sống chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, chị K khai không có đăng ký kết hôn, anh N khai có đăng ký kết hôn nhưng bị mất giấy chứng nhận kết hôn. Xét thấy, theo tài liệu thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của chị K và anh N thể hiện anh chị không có đăng ký kết hôn tại địa chỉ cư trú của anh chị nên có căn cứ xác định chị K và anh N có sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị không được pháp luật thừa nhận, nay phát sinh tranh chấp được xem xét giải quyết theo qui định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Chị K yêu cầu ly hôn, anh N đồng ý nên Tòa án tuyên bố không công nhận chị K và anh N là vợ chồng theo qui định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình;

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên là Trương Thanh T, sinh ngày 19/11/1994. Hiện cháu T đã trưởng thành, anh chị không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo qui định pháp luật.

[9] Xét ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án có căn cứ phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đoàn Thị K đối với anh Trương Văn N.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Đoàn Thị K và anh Trương Văn N là vợ chồng.

1.2. Về con chung: Đã trưởng thành, không có yêu cầu.

1.3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận;

1.4. *Về nợ chung*: Không có.

2. ***Về án phí***: Chị K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị K đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0008025 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chợ Gạo nên xem như nộp xong án phí.

3. ***Quyền kháng cáo***: Chị K và anh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG (thay báo cáo);
- VKSND huyện Chợ Gạo (để giám sát);
- CCTHADS huyện CG (để thi hành);
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ

Nguyễn Thị Mỹ Lil